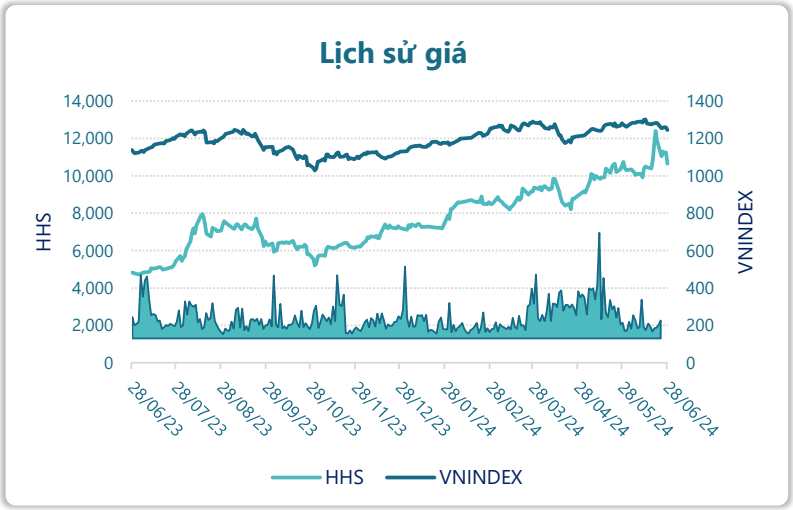
FireAnt

CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (HSX: HHS)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,650**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,720
SL cổ phiếu LH	347,160,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,274,240
% sở hữu nước ngoài	5.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,697
P/E	7.8
EPS	1,359

DT thuần

Q2/24

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼23.0| -17.7%

YoY: ▲ 41.7| 67.7%

LN sau thuế

Q2/24

108

tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.0| -27.7%

YoY: ▲ 43.5| 68.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

106%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

6T 2024

231

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 140| 153%

LN sau thuế

6T 2024

259

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 124| 91.6%

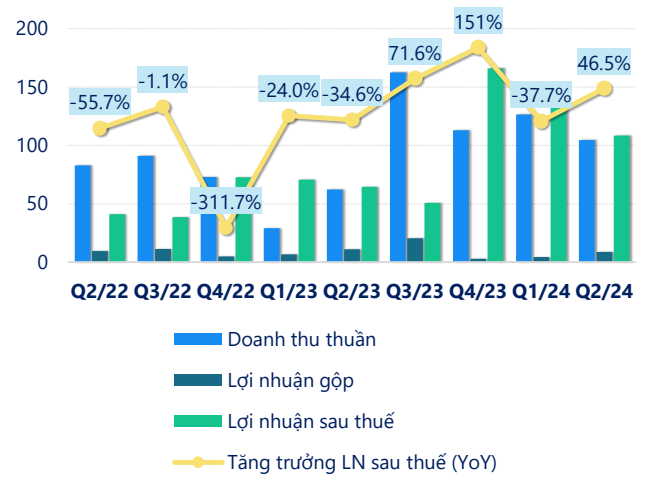
ROE

Q2/24

10.4%

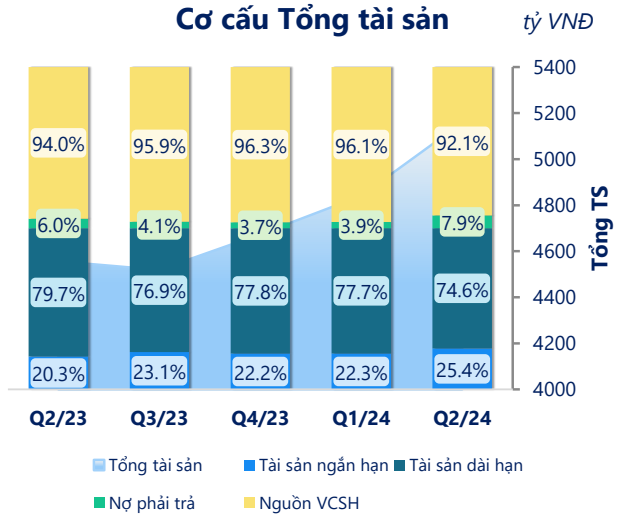
+/- YoY: ▲ 4.6%

Kết quả kinh doanh



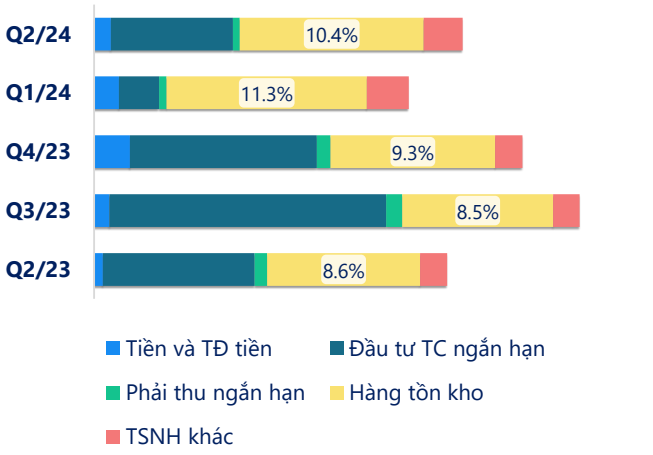
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



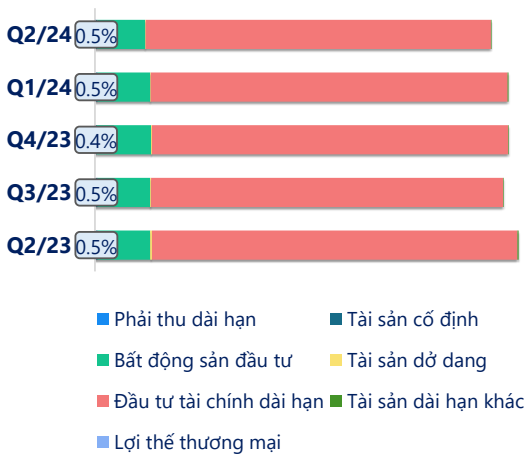
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



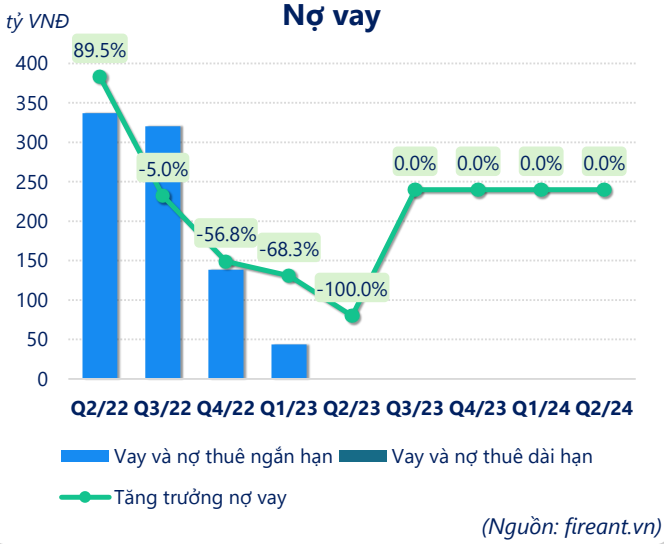
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



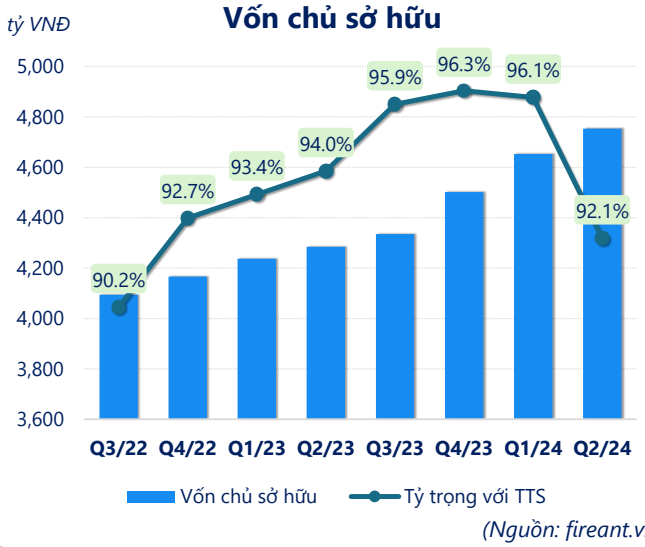
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



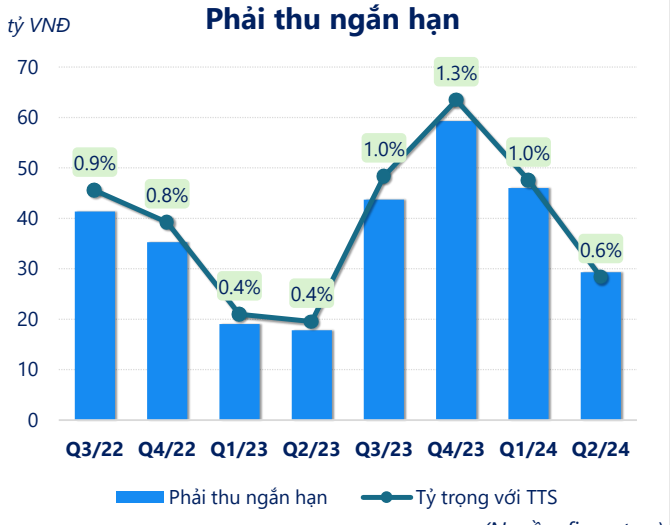
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



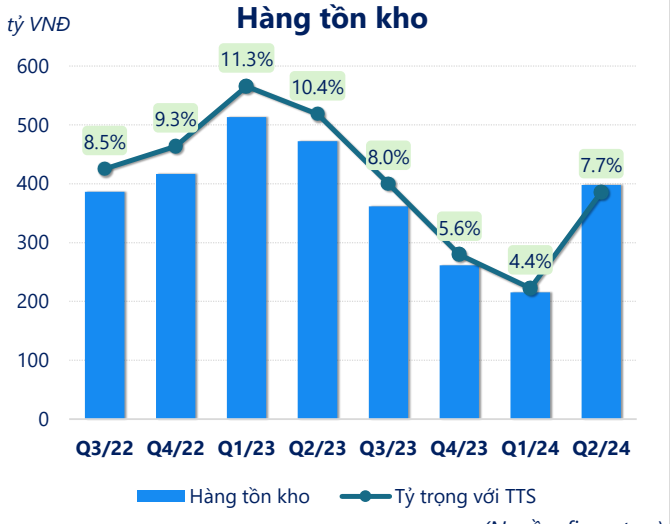
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



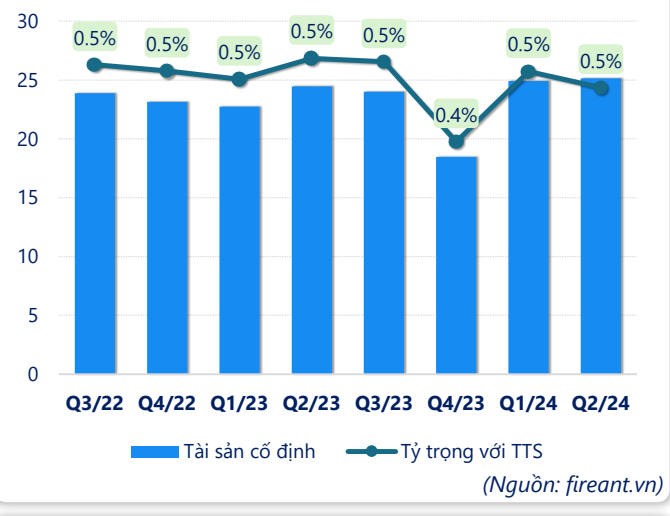
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



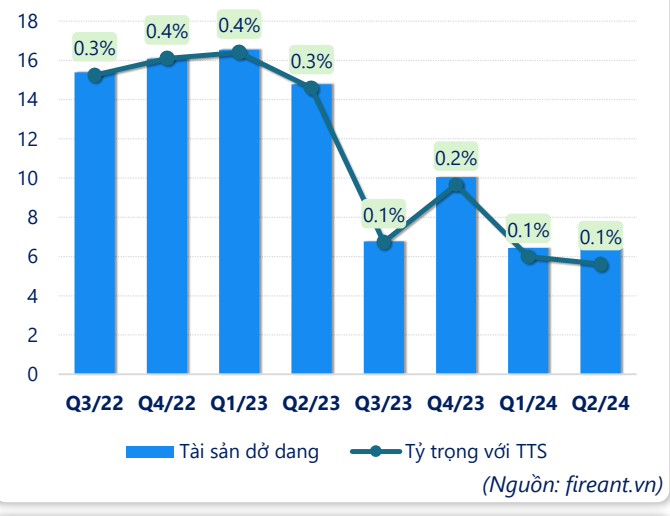
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



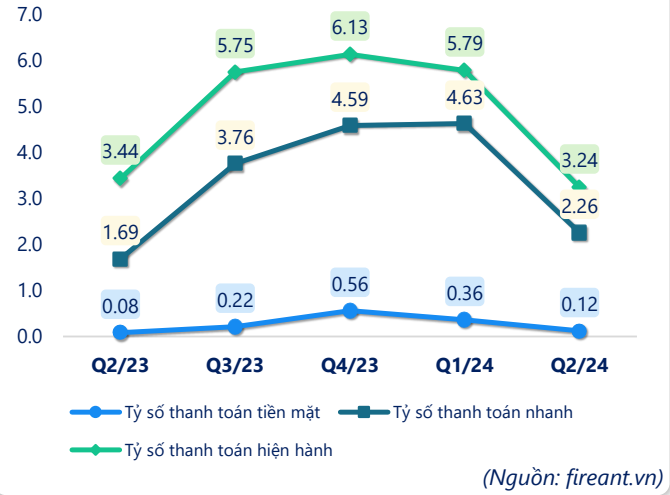
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



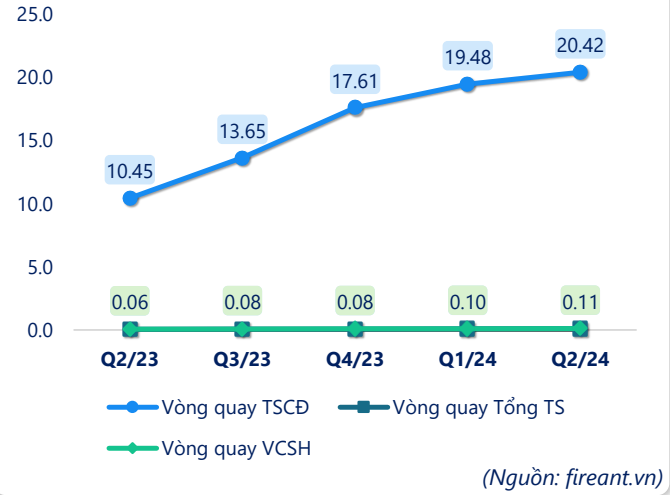
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**4,556**	**4,519**	**4,674**	**4,841**	**5,159**
Tài sản ngắn hạn	**927**	**1,044**	**1,036**	**1,077**	**1,312**
Tiền và tương đương tiền	22.5	39.2	94.9	67.7	49.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	314	510	539	669	743
Phải thu ngắn hạn	17.8	43.7	59.3	46.0	29.3
Hàng tồn kho	472	362	261	215	398
Tài sản ngắn hạn khác	101	89.8	82.1	79.2	91.8
Tài sản dài hạn	**3,629**	**3,475**	**3,637**	**3,763**	**3,847**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0.12
Tài sản cố định	24.5	24.0	18.5	24.9	25.1
Bất động sản đầu tư	450	446	474	477	462
Tài sản dở dang	14.8	6.77	10.0	6.44	6.44
Đầu tư tài chính dài hạn	3,131	2,992	3,129	3,249	3,348
Tài sản dài hạn khác	9.56	5.99	5.97	5.98	6.17
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**272**	**184**	**172**	**188**	**406**
Nợ ngắn hạn	**270**	**182**	**169**	**186**	**405**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	147	67.4	49.0	81.5	296
Nợ dài hạn	1.94	2.23	3.33	1.47	1.32
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,284**	**4,335**	**4,501**	**4,653**	**4,753**
Vốn chủ sở hữu	**4,284**	**4,335**	**4,501**	**4,653**	**4,753**
Vốn điều lệ	3,214	3,472	3,472	3,472	3,472
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)